PHỤ LỤC III: BẢNG GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

1. PHƯỜNG ĐIỆN BIÊN PHỦ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1	**Đường Võ Nguyên Giáp**				
1.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Thanh tra tỉnh (cơ sở 2)), đối diện bên kia đường hết đất số nhà 768	28.208	14.080		
1.2	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Thanh tra tỉnh (cơ sở 2)), đến ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh, đối diện bên kia đường đến hết SN 650	23.024	11.544		
1.3	- Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh đối diện bên kia đường tiếp giáp đất SN 650 đến đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường hết đất SN 471	18.632	9.324		
1.4	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến hết cầu trắng (trừ đoạn Khu Trung tâm thương mại và Nhà ở thương mại phường Điện Biên Phủ)	25.328	12.698		
1.5	- Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất SN 471 đến hết cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường hết đất số nhà 144	12.800	6.384		
1.6	- Đoạn từ Cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 144 đến hết ký túc xá Lào, phía bên kia đường hết đất số nhà 26 cổng trường Cao đẳng Điện Biên	8.960	4.480		
1.7	- Đoạn từ ký túc xá Lào, phía bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 26 cổng trường Cao đẳng Điện Biên đến đầu cầu Huổi Phạ (ngã ba rẽ vào đường Đỗ Nhuận)	7.120	3.552		
1.8	- Đoạn từ cầu Huổi Phạ đến hết đất nhà Thưởng Hồng (Thửa 19 TBĐ 51), đối diện bên kia đường hết đất thửa 247 TBĐ 50	4.640	2.320	1.392	
1.9	-Đoạn từ tiếp giáp thửa 19 TBĐ 51 (Đối diện bên kia đường tiếp giáp thửa 247 TBĐ 50) đến hết địa phận xã Thanh Minh cũ	2.656	1.320	792	
2	**Đường Trần Đăng Ninh**				
2.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến đến ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	28.216	14.080		
3	**Đường Trường Chinh**				
3.1	- Đoạn tiếp giáp Võ Nguyên Giáp đến đường rẽ vào trường PTDT nội trú tỉnh, đối diện bên kia đường đến hết đất SN 67	17.160	8.568		
3.2	- Đoạn từ đường rẽ vào trường PTDT nội trú tỉnh, đối diện bên kia đường từ tiếp giáp đất SN 69 đến ngã tư đường Hoàng Công Chất (Trường tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ)	14.544	7.296		
4	**Đường Nguyễn Hữu Thọ**				
4.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến tiếp giáp đất cây xăng số 15 (cây xăng Quân đội) đối diện sang bên kia đường là cổng vào Cảng hàng không	14.160	7.146		
4.2	- Đoạn từ cây xăng số 15 (cây xăng Quân đội), phía bên kia đường là cổng vào Cảng hàng không đến ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Khắc Dược	8.800	4.406		
5	**Đường Nguyễn Chí Thanh**				

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
5.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến ngã tư đường Bế Văn Đàn	27.600	13.800		
5.2	- Đoạn từ ngã tư tiếp giáp đường Bế Văn Đàn đến ngã ba đường Phạm Văn Đồng	22.320	11.200		
6	**Đường Bế Văn Đàn**				
6.1	- Ngã ba đường Võ Nguyên Giáp (Phòng Giao dịch Điện Biên - Chi nhánh Ngân hàng phát triển Điện Biên - Lai Châu) đến hết cầu Mường Thanh	20.000	10.000		
6.2	- Đoạn từ cầu Mường Thanh đến tiếp giáp đất Cảng hàng không (đường vào xã Thanh Luông cũ)	4.800	2.400	1.440	
7	**Đường Ngô Mạnh Lân: Từ giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba tiếp giáp đường Mường Then**	9.600	4.795	2.851	
8	**Đường Hoàng Văn Thái:** Đoạn từ tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (Ngã tư nghĩa trang A1) đến ngã tư tiếp giáp đường Hoàng Công Chất (Trường tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ)	13.800	6.899		
9	**Đường nối đường Hoàng Văn Thái đến đường Hoàng Công Chất** (Từ ngã ba Tòa Án tỉnh cũ đến ngã tư rẽ vào cổng phụ Tỉnh đội)	11.320	5.678		
10	**Đường Hoàng Công Chất**				
10.1	- Đoạn từ ngã tư tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã tư Trường tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ	13.440	6.720		
10.2	- Đoạn từ ngã tư Trường tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ đến ngã tư rẽ vào cổng phụ tỉnh đội, đối diện bên kia đường đến hết đất số nhà 155	10.080	5.040		
10.3	- Đoạn từ ngã tư rẽ vào cổng phụ Tỉnh Đội đến hết SN 221,đối diện bên kia đường là rẽ vào ngõ 246, SN 246	11.680	5.919	3.503	
10.4	- Đoạn tiếp giáp SN 221 đối diện bên kia đường là lối rẽ vào ngõ 246, đến ngã ba rẽ vào đường Tố Hữu (hết địa phận phường Mường Thanh cũ). Đối diện hết đất số nhà 237	10.080	5.040	3.000	
11	**Đoạn tiếp giáp đường Hoàng Công Chất đến cổng Tỉnh đội**	10.080	5.040		
12	**Đường Lê Trọng Tấn**				
12.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (cạnh Karaoke Hoàng Gia) đến ngã tư tiếp giáp đường Phan Tư.	21.360	10.752		
12.2	- Đoạn từ ngã tư tiếp giáp đường Phan Tư đến giáp đất Trung đoàn 82	5.256	2.621		
13	**Đường Tôn Thất Tùng:** Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái đến cổng Tỉnh đội	6.000	3.036		
14	**Quốc lộ 12: Đoạn từ ngã ba rẽ vào UBND xã Thanh Hưng (cũ) đến Ngã tư C4**	3.040	1.812	1.021	
15	**Đường Lò Văn Hặc:** đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	10.160	3.745		
16	**Đường Trần Văn Thọ:** Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (cạnh Công an tỉnh) đến hết đất Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	10.160	5.150		
17	**Đường 13/3**	6.000	3.048		
18	**Đường Roman Lazarovic Karmen:** Đoạn tiếp giáp với đường Phan Đình Giót cạnh Đồi C1 đến ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp cạnh sân Quảng trường 7/5 (trừ đoạn Khu Trung tâm thương mại và Nhà ở thương mại phường Điện Biên Phủ)	10.160	5.137		
19	**Đường Phan Đình Giót:** Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (cạnh UBND tỉnh) đến ngã ba tiếp giáp đường Trường Chinh (Sân vận động)	10.160	5.174		

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
20	**Đường Trần Can:** Ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (cạnh Quảng trường 7/5) đến ngã ba tiếp giáp đường Trường Chinh (chợ Trung tâm III)	10.160	5.069		
21	**Các đường nhánh nối từ Võ Nguyên Giáp sang đường Nguyễn Chí Thanh**	10.160	5.085		
22	**Đường Tô Vĩnh Diện**				
22.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (Đối diện cây xăng Công an tỉnh) đến ngã ba tiếp giáp đường 7/5	6.792	3.405	2.067	
22.2	Đoạn từ tiếp giáp đường 7/5 đến hết đất nghĩa trang Him Lam	6.400	3.192	1.894	
23	**Đường Sùng Phái Sinh**				
23.1	- Đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến hết đất Trung tâm thí nghiệm Điện Điện Biên, bên kia đường đến ngõ vào phố 15 (phường Him Lam cũ).	10.160	5.088	3.053	
23.2	- Đoạn tiếp giáp đất Trung tâm thí nghiệm Điện Điện Biên, bên kia đường tiếp giáp ngõ vào phố 15 (phường Him Lam cũ) đến ngã tư đường Nguyễn Bá Lạc	8.192	4.096	2.432	
23.3	- Đoạn tiếp giáp đường Nguyễn Bá Lạc đến đường Hoàng Công Chất	3.200	1.664	1.024	
24	**Đường rẽ vào xí nghiệp gạch:** Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba tiếp giáp đường 11,5m	10.160	5.088	3.053	
25	**Đường Hòa Bình:** Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (qua trụ sở Thanh Tra tỉnh cơ sở 2) đến ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (đối diện cổng Sở Nông nghiệp và Môi trường)	10.240	5.115	3.114	
26	**Đường Tôn Đức Thắng**				
26.1	- Đoạn từ tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái đến ngã ba suối Hồng Líu	6.904	3.517	2.135	
27	**Đường Phạm Văn Đồng**				
27.1	- Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (Ngã tư rạp chiếu bóng) đến cầu A1	18.880	9.494		
27.2	-Đoạn từ đầu cầu A1 đến ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh	12.120	6.120		
28	**Đường Hoàng Anh:** Đoạn từ ngã ba chợ C13 đến bờ mương Độc Lập tiếp giáp xã Thanh Nưa (cũ)	5.520	2.760	1.680	
29	**Đường Mường Then:** Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng đến hết địa phận phường Điện Biên Phủ.	9.600	4.854	2.886	
30	**Đường Hoàng Văn Nô**				
30.1	Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Bát - na đến ngã tư tiếp giáp đường Đỗ Nhuận (thuộc địa phận phường Điện Biên Phủ)	7.168	3.580	2.148	
30.2	- Đoạn từ ngã tư tiếp giáp đường Đỗ Nhuận đến ngã ba rẽ vào bản Tà Lèng (thuộc địa phận phường Điện Biên Phủ)	6.880	3.437	2.005	
30.3	- Đoạn từ ngã 3 rẽ vào bản Tà Lèng đến hết đất trụ sở Trung tâm Chính trị phường Điện Biên Phủ (thuộc địa phận phường Điện Biên Phủ)	4.608	3.168	2.304	
31	**Đường Hà Văn Nọa:** Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ đến ngã ba tiếp giáp đường Dương Quảng Châu	10.160	5.080		
32	**Đường Hoàng Cầm**				
32.1	- Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp vào đến hết đất Nhà thi đấu đa năng tỉnh Điện Biên (2 bên đường) - Đường 32 m	14.280	7.200		
32.2	- Đoạn tiếp giáp đường 32m đến ngã ba tiếp giáp đường Đặng Đức Song	3.840	1.920	1.120	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
33	**Đường Lương Thế Vinh:** Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (Đội quản lý Điện lực khu vực Điện Biên Phủ) đến ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Văn Nô	6.904	3.517	2.135	
34	**Đường Phùng Văn Khẩu:** Từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba tiếp giáp đường Lương Thế Vinh	6.904			
35	**Đường Đỗ Nhuận**				
35.1	- Ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến hết đất khách sạn Him Lam	6.000	3.000		
35.2	- Đoạn tiếp giáp đất khách sạn Him Lam đến ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Văn Nô	2.800	1.397	776	
36	**Đường Lê Văn Dụ:** Ngã ba tiếp giáp đường Phùng Văn Khẩu đến ngã ba tiếp giáp đường Lương Thế Vinh	5.256			
37	**Đường Đặng Đức Song**				
37.1	- Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến hết đất Công ty Xăng dầu Điện Biên, phía bên kia hết đất số nhà 68 (bao gồm cả đoạn rẽ lên khu nhà ở Tân Thanh)	10.160	5.088	3.053	
37.2	- Đoạn tiếp giáp đất Công ty Xăng dầu Điện Biên đến tiếp giáp đất Trung đoàn 82	5.016	2.584	1.520	
38	**Đường Nguyễn Bá Lạc**				
38.1	- Đoạn đường 27 m tiếp giáp đường Trường Chinh đến tiếp giáp đường 13 m	10.160	5.088		
38.2	- Đoạn đường 13 m: nối tiếp đường 27 m (cổng sau Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Điện Biên) đến ngã tư tiếp giáp đường Sùng Phái Sinh	6.000	3.001	1.839	
39	**Đường Phan Tư**				
39.1	- Đoạn từ ngã tư tiếp giáp đường Lê Trọng Tấn (chân dốc Ta Pô) đến cổng phụ Trung tâm Thương mại Him Lam PLAZA, đối diện bên kia hết đất số nhà 37D	10.160	5.107		
39.2	- Đoạn từ cổng phụ Trung tâm Thương mại Him Lam PLAZA, đối diện bên kia tiếp giáp đất số nhà 37D đến tiếp giáp khu quy hoạch tổng mặt bằng khu vui chơi giải trí ven sông Nậm Rốm (Huy Toan)	5.264	2.678		
40	**Đường Nguyễn Phú Xuyên Khung:** từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba tiếp giáp Nguyễn Văn Bạch	10.160	5.081		
41	**Đường Nguyễn Văn Bạch:** từ ngã ba tiếp giáp đường Phan Đình Giót đến ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Công Chất	10.160	5.081		
42	**Đường Tạ Quốc Luật**				
42.1	- Đoạn từ tiếp giáp đường Bế Văn Đàn đến ngã tư tiếp giáp đường 28 m khu Tái định cư số 3 (Cảng hàng không Điện Biên Phủ)	6.048	3.123	1.757	
42.2	- Ngã tư tiếp giáp đường 28 m đến ngã ba rẽ vào UBND xã Thanh Hưng (cũ)	4.092	2.448	1.380	
43	**Đường Hoàng Đăng Vinh**				
43.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Tạ Quốc Luật (Sở chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ) đến ngã ba tiếp giáp khu Tái định cư số III (Cảng hàng không Điện Biên Phủ)	5.256	2.630	1.522	
43.2	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường 13,5m (thửa 01 lô TDC20) đến hết thửa 07 lô TDC28- khu Tái định cư số III (Cảng hàng không Điện Biên Phủ)	6.048			
44	**Đường Dương Quảng Châu**				
44.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Quyết Tiến đến ngã ba tiếp giáp đất Trụ sở Liên minh Hợp tác xã	5.256	2.630	1.522	
44.2	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đất Trụ sở Liên minh Hợp tác xã đến ngã tư tiếp giáp đường 13,5 m Khu tái định cư mở rộng	6.000	3.007	1.862	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
44.3	- Từ ngã tư tiếp giáp đất Trường Cao đẳng Điện Biên (cơ sở 1) đến ngã ba tiếp giáp đường bê tông 13,5 m Khu tái định cư C13	4.668			
44.4	- Từ ngã ba tiếp giáp đường bê tông 13,5 m Khu tái định cư C13 đến ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	6.048			
45	**Đường Hoàng Khắc Dược**				
45.1	- Đoạn ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ đến cổng Trường mầm non Thanh Trường (đối diện hết đất SN 16)	4.800	2.400	1.400	
45.2	- Đoạn tiếp giáp cổng Trường mầm non Thanh Trường (đối diện tiếp giáp đất SN 16) đến cầu máng C8	4.360	2.311	1.284	
46	**Đường Nguyễn Văn Thuần:** Từ ngã ba tiếp giáp đường Quyết Tiến đến ngã ba tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	5.256	2.630	1.522	
47	**Đường Quyết Tiến:** Ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ đến tiếp giáp Khu vui chơi Đầm Sen (đất thuê của Công ty Phương Uyên)	10.160	5.078	3.091	
48	**Đường Lộc Văn Trọng:** Từ ngã ba tiếp giáp đường Bế Văn Đàn đến ngã ba tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	5.256	2.630	1.522	
49	**Các đường còn lại tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp**				
49.1	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Thanh Tra tỉnh cơ sở 2), đối diện bên kia đường hết đất số nhà 768 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	10.240	5.126	3.133	
49.2	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Thanh Tra tỉnh cơ sở 2), đối diện bên kia đường hết đất số nhà 768 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	6.896	3.443	2.152	
49.3	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Thanh Tra tỉnh cơ sở 2), đối diện bên kia đường hết đất số nhà 768 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	6.896	3.442	2.103	
49.4	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Thanh Tra tỉnh cơ sở 2), đối diện bên kia đường hết đất số nhà 768 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.800	2.406	1.504	
49.5	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7 m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Thanh Tra tỉnh cơ sở 2), đến ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh, đối diện bên kia đường đến hết SN 650 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	6.896	3.442	2.103	
49.6	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Thanh Tra tỉnh cơ sở 2), đến ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh, đối diện bên kia đường đến hết SN 650 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	6.000	2.995	1.872	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
49.7	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7 m thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Thanh Tra tỉnh cơ sở 2), đến ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh, đối diện bên kia đường đến hết SN 650 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	6.000	2.995	1.830	
49.8	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Thanh Tra tỉnh cơ sở 2), đến ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh, đối diện bên kia đường đến hết SN 650 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.800	2.406	1.504	
49.9	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh đối diện bên kia đường tiếp giáp đất SN 650 đến đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường hết đất SN 471 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	6.000	2.995	1.830	
49.10	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh đối diện bên kia đường tiếp giáp đất SN 650 đến đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường hết đất SN 471 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	5.256	2.635	1.610	
49.11	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng khổ rộng < 7 m thuộc Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh đối diện bên kia đường tiếp giáp đất SN 650 đến đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường hết đất SN 471 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	5.256	2.635	1.610	
49.12	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng khổ rộng < 7 m thuộc Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh đối diện bên kia đường tiếp giáp đất SN 650 đến đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường hết đất SN 471 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.800	2.406	1.504	
49.13	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến hết cầu trắng là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	10.160	5.083	3.106	
49.14	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến hết cầu trắng là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	6.896	3.443	2.152	
49.15	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến hết cầu trắng là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	6.896	3.443	2.152	
49.16	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7 m thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến hết cầu trắng là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.800	2.406	1.504	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
49.17	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7 m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất SN 471 đến hết cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường hết đất số nhà 144 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	6.000	2.995	1.830	
49.18	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất SN 471 đến hết cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường hết đất số nhà 144 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	5.256	2.635	1.610	
49.19	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất SN 471 đến hết cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường hết đất số nhà 144 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	5.256	2.635	1.610	
49.20	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7 m thuộc Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất SN 471 đến hết cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường hết đất số nhà 144 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.800	2.406	1.504	
49.21	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ Cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 144 đến hết ký túc xá Lào, phía bên kia đường hết đất số nhà 26 cổng trường Cao đẳng Điện Biên là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	6.000	2.995	1.830	
49.22	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7 m trở lên thuộc Đoạn từ Cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 144 đến hết ký túc xá Lào, phía bên kia đường hết đất số nhà 26 cổng trường Cao đẳng Điện Biên là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	5.256	2.635	1.610	
49.23	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ Cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 144 đến hết ký túc xá Lào, phía bên kia đường hết đất số nhà 26 cổng trường Cao đẳng Điện Biên là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	5.256	2.635	1.610	
49.24	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ Cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 144 đến hết ký túc xá Lào, phía bên kia đường hết đất số nhà 26 cổng trường Cao đẳng Điện Biên là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.800	2.406	1.504	
49.25	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ký túc xá Lào, phía bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 26 cổng trường Cao đẳng Điện Biên đến đầu cầu Huổi Phạ (ngã ba rẽ vào đường Đỗ Nhuận) là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	5.256	2.635	1.610	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
49.26	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ký túc xá Lào, phía bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 26 cổng trường Cao đẳng Điện Biên đến đầu cầu Huổi Phạ (ngã ba rẽ vào đường Đỗ Nhuận) là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.800	2.406	1.504	
49.27	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ ký túc xá Lào, phía bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 26 cổng trường Cao đẳng Điện Biên đến đầu cầu Huổi Phạ (ngã ba rẽ vào đường Đỗ Nhuận) là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	4.800	2.405	1.470	
49.28	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ ký túc xá Lào, phía bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 26 cổng trường Cao đẳng Điện Biên đến đầu cầu Huổi Phạ (ngã ba rẽ vào đường Đỗ Nhuận) là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.000	1.997	1.248	
50	**Đường nối từ đường Sùng Phái Sinh đến ngã tư tiếp giáp đường Hoàng Công Chất (Đường đi nghĩa trang Hòa Bình)**				
50.1	- Đoạn tiếp giáp đường Sùng Phái Sinh đến hết đất số nhà 164, đối diện bên kia là đường đi lên trạm thông tin (thuộc địa phận phường Điện Biên Phủ)	6.000	3.000	1.800	
50.2	- Đoạn tiếp giáp đất số nhà 164 đối diện bên kia đường là đường đi lên trạm thông tin đến ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Công Chất (thuộc địa phận phường Điện Biên Phủ)	5.760	2.880	1.680	
51	**Các đường còn lại trong các tổ dân phố**				
51.1	- Các đường có khổ rộng 10 m tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh	10.160	5.080		
51.2	- Các đường có khổ rộng 10 m tiếp giáp đường đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Thanh Bình (cũ)	6.000	3.000	1.800	
51.3	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 15 m trở lên là đường nhựa, bê tông	6.896	3.441	2.094	
51.4	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 11,5 m đến dưới 15 m là đường nhựa, bê tông	6.000	3.007	1.862	
51.5	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 7 m đến dưới 11,5 m là đường nhựa, bê tông	5.256	2.630	1.522	
51.6	- Các đường nhựa, bê tông có khổ rộng từ 5 m đến dưới 7 m	4.800	2.400	1.440	
51.7	- Các đường nhựa, bê tông có khổ rộng từ 3 m đến dưới 5 m	3.896	2.035	1.187	
51.8	- Các đường nhựa, bê tông còn lại dưới 3 m	3.414	1.706	948	
51.9	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 7 m đến dưới 11,5 m là đường đất, cấp phối	4.056	2.026	1.182	
51.10	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 11,5 m đến dưới 15 m là đường đất, cấp phối	4.440	2.218	1.267	
51.11	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 15 m trở lên là đường đất, cấp phối	4.840	2.421	1.424	
51.12	- Các đường đất, cấp phối có khổ rộng từ 5 m đến dưới 7 m	2.496	1.311	715	
51.13	- Các đường đất, cấp phối có khổ rộng từ 3 m đến dưới 5 m	2.288	1.146	712	
51.14	- Các đường đất còn lại dưới 3 m	2.048	1.025	586	
52	**Các đường còn lại trong các bản**				
52.1	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 15 m trở lên là đường nhựa, bê tông	4.827	2.409	1.466	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
52.2	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 11,5 m đến dưới 15 m là đường nhựa, bê tông	4.200	2.105	1.303	
52.3	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 7 m đến dưới 11,5 m là đường nhựa, bê tông	3.679	1.841	1.066	
52.4	- Các đường nhựa, bê tông có khổ rộng từ 5 m đến dưới 7 m	3.552	1.776	1.066	
52.5	- Các đường nhựa, bê tông có khổ rộng từ 3 m đến dưới 5 m	2.720	1.421	829	
52.6	- Các đường nhựa, bê tông còn lại dưới 3 m	2.131	1.066	592	
52.7	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 7 m đến dưới 11,5 m là đường đất, cấp phối	2.840	1.418	827	
52.8	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 11,5 m đến dưới 15 m là đường đất, cấp phối	3.108	1.552	887	
52.9	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 15 m trở lên là đường đất, cấp phối	3.388	1.695	997	
52.10	- Các đường đất, cấp phối có khổ rộng từ 5 m đến dưới 7 m	2.016	1.056	576	
52.11	- Các đường đất, cấp phối có khổ rộng từ 3 m đến dưới 5 m	1.536	768	480	
52.12	- Các đường đất còn lại dưới 3 m	1.344	672	384	
53	**Đường vành đai 3 (Asean):** Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Văn Nô đến hết địa phận **phường Điện Phủ**	1.440	720	480	
54	**Đường cạnh Nhà thi đấu đa năng tỉnh Điện Biên:** Đoạn đường 24,5 m	9.808	4.953		
55	**Đường tiếp giáp với đường Đỗ Nhuận**	2.598	1.299	742	
56	**Khu Trung tâm thương mại và Nhà ở thương mại Phường Điện Biên Phủ (Khu Vincom)**				
56.1	Đường Võ Nguyên Giáp	32.000			
56.2	Đường Roman Lazarovic Karmen ((Đường cạnh Quảng trường 7/5)	22.400			
56.3	Đường Kostas Sarantidis- Nguyễn Văn Lập (Đường khổ rộng 13m và Đoạn từ ngã ba đường Phan Đình Giót đến ngã ba Đường Roman Lazarovic Karmen)	14.400			
56.4	Đường khổ rộng 10m	12.800			
57	**Đường 7/5 (Đường 60m)**	16.317	13.054		
58	**Các tuyến đường mới đặt tên theo Nghị Quyết số 255/NQ-HĐND ngày 13/8/2025 và số 232/NQ-HĐND ngày 13/2/2025 của HĐND tỉnh Điện Biên**				
58.1	**Đường Nguyễn Thành (Đường có mặt cắt 10,5m):** Từ giáp đường Trần Văn Thọ đến tiếp giáp đồi Him Lam	6.000	3.048		
58.2	**Đường Lê Huy Toàn (Đường có mặt cắt 11,5m)**				
58.3	Đoạn ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	10.160	5.085		
58.4	Đoạn ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh đến điểm cuối tiếp giáp đường quy hoạch	6.000	3.007		
58.5	**Đường Henri Martin**				
58.6	Đoạn ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh (10,5m)	10.160	5.085		
58.7	Đoạn ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh đến điểm cuối tiếp giáp đường quy hoạch (7m)	5.256	2.630		
58.8	**Đường Raymonde Dien (Đường có mặt cắt 7m-10m):** Từ tiếp giáp đường dạo ven sông sau khách sạn Nậm Rốm tiếp giáp phía sau khách sạn Nậm Rốm đến tiếp giáp đường Bế Văn Đàn cạnh chợ Mường Thanh	5.256	2.630		
58.9	**Đường Verner Schulze - Nguyễn Đức Việt**				
58.10	Đoạn ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (cạnh kho bạc nhà nước tỉnh Điện Biên) đến ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh (10m)	10.160	5.085		

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
58.11	Đoạn ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (cạnh bưu điện tỉnh Điện Biên) đến ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh (10m)	10.160	5.085		
58.12	Đoạn còn lại	5.256	2.630		
59	**Đường Lia 1: Đoạn từ đầu cầu BTCT đến hết đất trường THCS Thanh Minh**	2.598	1.299	742	
60	Đoạn từ ngã 3 rẽ vào bản Tà Lèng đến hết đất trụ sở UBND xã Tà Lèng (cũ)	2.970	2.042	1.485	
61	**Đường du lịch Tà Lèng - Mường Phăng**				
61.1	Đoạn từ tiếp giáp đất trụ sở Trung tâm chính trị phường Điện Biên phủ đến hết đất vườn ươm cây giống Mắc ca	944	661	472	
61.2	Đoạn từ tiếp giáp đất vườn ươm cây giống Mắc ca đến hết địa phận bản Kê Nênh	812	573	382	
61.3	Đoạn từ giáp địa phận bản Kê Nênh đến hết địa phận phường Điện Biên Phủ	696	464	371	
62	Đường Vành đai 3 ASEAN: Đoạn tiếp giáp đường Hoàng Văn Nô đến hết địa phận phường Điện Biên Phủ	1.114	557	371	
63	Trung tâm xã Thanh Minh (cũ)				
63.1	Các đường bê tông thuộc tổ 1, 2	835	557	371	
63.2	Các đường đất còn lại thuộc tổ 1, 2	650	464	278	
64	**Các đường còn lại thuộc các bản:** Phiêng Lơi, Púng Tôm, Co Củ, Nà Lơi, Tà Lèng, Kê Nênh, Cụm Loọng Hỏm	557	371	278	
65	**Các đường còn lại thuộc các bản:** Pa Pốm, Tân Quang, Huổi Lơi, Nà Nghè	371	278	186	

2. PHƯỜNG MƯỜNG THANH

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1	**Đường Võ Nguyên Giáp**				
1.1	- Đoạn từ cầu trắng đến đường vào trụ sở công ty Khoáng sản, đối diện bên kia đường đến hết số nhà 35	17.592	8.816		
1.2	- Đoạn còn lại đến cầu bản Ten	12.800	6.384		
2	**Đường Hoàng Công Chất**				
2.1	- Đoạn từ ngã ba đường Tố Hữu (hết địa phận phường Mường Thanh cũ). Đối diện hết đất số nhà 237 đến ngã tư đường Hoàng Văn Nô (cổng Bệnh viện Đa khoa tỉnh)	7.816	3.960	2.400	
2.2	- Đoạn từ ngã tư đường Hoàng Văn Nô (cổng Bệnh viện Đa khoa tỉnh) đến hết đất Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Điện Biên	6.040	3.020		
3	**Đường Lê Thái Tổ**				
3.1	**Đoạn nối từ đường ASEAN đến ngã ba tiếp giáp đường Tố Hữu**	6.848			
3.2	- Đường có khổ rộng 20,5m - Khu TĐC Thủy điện Sơn La	6.904			
3.3	- Đoạn nối tiếp khu TĐC Thủy điện Sơn La đến ngã tư giao nhau với đường Tôn Đức Thắng	6.888	3.453	2.125	
3.4	- Đoạn từ ngã tư giao nhau đường Tôn Đức Thắng đến ngã tư tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	5.376	2.688	1.613	
4	**Đường Tôn Đức Thắng**				
4.1	- Đoạn từ ngã ba suối Hồng Líu đến ngã tư tiếp giáp đường Lê Thái Tổ	6.504	3.245	1.997	
4.2	- Đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường Lê Thái Tổ đến tiếp giáp đường Tố Hữu	6.504	3.245	1.997	
5	**Đường Tố Hữu:** đoạn tiếp giáp đường Hoàng Công Chất, cạnh trụ sở Trung Tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường - Sở Nông nghiệp và Môi trường đến tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	6.896			
6	**Đường Nguyễn Trãi**				
6.1	- Đoạn từ ngã ba đường Võ Nguyên Giáp đến cầu Bê tông thứ nhất	6.920	3.472		
6.2	- Đoạn từ cầu Bê tông thứ nhất đến bờ mương (tiếp giáp đường Lê Thái Tổ)	3.984	2.000	1.200	
7	**Đường Hoàng Đạo Thúy:** Điểm đầu tiếp giáp đường 7 tháng 5 cạnh Hồ điều hòa, bản Phiêng Bua; điểm cuối tiếp giáp ngã ba tiếp giáp đường Tố Hữu	6.896			
8	**Đường Mường Then:** Đoạn từ giáp địa phận phường Điện Biên Phủ đến ngã ba tiếp giáp đường Lưu Viết Thoảng (trừ đoạn đường thuộc Khu dân cư Nam Thanh)	9.600	4.854	2.886	
9	**Đường Lưu Viết Thoảng**				
9.1	- Đoạn từ ngã ba đường Võ Nguyên Giáp cạnh cây xăng C4 đến đầu cầu C4	9.600	4.788	2.873	
9.2	- Đoạn từ cầu C4 đến ngã tư C4 tiếp giáp xã Thanh Nưa	3.696	2.218	1.232	
10	**Đường Hoàng Văn Nô**				
10.1	- Đoạn từ ngã tư tiếp giáp đường Hoàng Công Chất (cổng Bệnh viện tỉnh) đến hết đất trụ sở Thuế tỉnh Điện Biên (Tiếp giáp đường 7/5)	6.880	3.437	2.005	
10.2	-Đoạn từ tiếp giáp đường 7/5 đến ngã tư tiếp giáp đường Đỗ Nhuận (thuộc địa phận phường Mường Thanh)	7.168	3.580	2.148	
10.3	- Đoạn từ ngã tư tiếp giáp đường Đỗ Nhuận đến ngã ba rẽ vào bản Tà Lèng (thuộc địa phận phường Mường Thanh)	6.880	3.437	2.005	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
10.4	- Đoạn từ ngã 3 rẽ vào bản Tà Lèng đến hết đất trụ sở Trung tâm Chính trị phường Điện Biên Phủ (thuộc địa phận phường Mường Thanh)	4.608	3.168	2.304	
11	**Đường Bùi Đình Cư:** Ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Văn Ty (cạnh Trường Tiểu học Noong Bua) đến ngã ba tiếp giáp đường Trịnh Văn Huyền	5.272			
12	**Đường Nguyễn Ngọc Bảo**				
12.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Công Chất đến bùng binh cạnh Chi cục phát triển nông thôn và Kinh tế hợp tác thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (có khổ rộng 36 m)	7.808			
12.2	- Đoạn tiếp giáp bùng binh cạnh Chi cục phát triển nông thôn và Kinh tế hợp tác thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường đến ngã ba tiếp giáp đường Tố Hữu (có khổ rộng 22,5 m)	6.896			
13	**Đường Trịnh Văn Huyền:** Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Công Chất đến ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Đạo Thúy	6.856			
14	**Đường Trần Văn Cam:** Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Công Chất đến ngã ba tiếp giáp đường Trịnh Văn Huyền	5.272			
15	**Đường Đặng Đình Hồ: đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Đạo Thúy đến ngã ba tiếp giáp cổng Bệnh viện Lao Điện Biên**				
15.1	Đoạn từ ngã ba đường đi bản Hồng Líu đến ngã tư tiếp giáp đường Chu Văn Khâm	6.896			
15.2	Đoạn từ ngã tư tiếp giáp đường Chu Văn Khâm đến giáp bệnh viện Lao Điện Biên	5.760			
16	**Đường Trần Đình Hùng:** Từ ngã ba tiếp giáp đường Tố Hữu đến hết đất thửa 12 (đối diện bên kia đường là thửa 19) tờ bản đồ số 41	6.048			
17	**Đường Lâm Viết Hữu:** Từ ngã ba tiếp giáp đường Tố Hữu đến hết đất thửa 29 (đối diện bên kia đường là thửa 38) tờ bản đồ số 41	6.048			
18	**Đường Chu Văn Khâm:** từ ngã ba tiếp giáp đường Tố Hữu đến hết đất nhà văn hóa phố 1 (đối diện bên kia đường là thửa 54) tờ bản đồ số 41	6.048			
19	**Đường Nguyễn Văn Ty:** Từ ngã ba tiếp giáp đường Tố Hữu đến hết đất thửa 33 (đối diện bên kia đường là thửa 65) tờ bản đồ 22	6.856			
20	**Các đường còn lại tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp**				
20.1	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ cầu trắng đến đường vào trụ sở công ty Khoáng sản, đối diện bên kia đường đến hết số nhà 35 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	6.000	2.995	1.830	
20.2	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ cầu trắng đến đường vào trụ sở công ty Khoáng sản, đối diện bên kia đường đến hết số nhà 35 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	5.256	2.635	1.610	
20.3	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ cầu trắng đến đường vào trụ sở công ty Khoáng sản, đối diện bên kia đường đến hết số nhà 35 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	5.256	2.635	1.610	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
20.4	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7 m thuộc Đoạn từ cầu trắng đến đường vào trụ sở công ty Khoáng sản, đối diện bên kia đường đến hết số nhà 35 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.800	2.406	1.504	
20.5	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7 m trở lên thuộc Đoạn còn lại đến cầu bản Ten là đường nhựa hoặc bê tông (100 m đầu, tính trọn thửa)	6.000	2.995	1.830	
20.6	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn còn lại đến cầu bản Ten là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	5.256	2.635	1.610	
20.7	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn còn lại đến cầu bản Ten là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	5.256	2.635	1.610	
20.8	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn còn lại đến cầu bản Ten là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.800	2.406	1.504	
21	**Đường nối từ đường Sùng Phái Sinh đến ngã tư tiếp giáp đường Hoàng Công Chất (Đường đi nghĩa trang Hòa Bình)**				
21.1	- Đoạn tiếp giáp đường Sùng Phái Sinh đến hết đất số nhà 164, đối diện bên kia là đường đi lên trạm thông tin (thuộc địa phận phường Mường Thanh)	6.000	3.000	1.800	
21.2	- Đoạn tiếp giáp đất số nhà 164 đối diện bên kia đường là đường đi lên trạm thông tin đến ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Công Chất (thuộc địa phận phường Mường Thanh)	5.760	2.880	1.680	
22	**Các đường còn lại trong các tổ dân phố (phường Noong Bua cũ, phường Nam Thanh cũ)**				
22.1	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 15 m trở lên là đường nhựa, bê tông	6.896	3.441	2.094	
22.2	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 11,5 m đến dưới 15 m là đường nhựa, bê tông	6.000	3.007	1.862	
22.3	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 7 m đến dưới 11,5 m là đường nhựa, bê tông	5.256	2.630	1.522	
22.4	- Các đường nhựa, bê tông có khổ rộng từ 5 m đến dưới 7 m	4.800	2.400	1.440	
22.5	- Các đường nhựa, bê tông có khổ rộng từ 3 m đến dưới 5 m	3.896	2.035	1.187	
22.6	- Các đường nhựa, bê tông còn lại dưới 3 m	3.414	1.706	948	
22.7	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 7 m đến dưới 11,5 m là đường đất, cấp phối	4.056	2.026	1.182	
22.8	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 11,5 m đến dưới 15 m là đường đất, cấp phối	4.440	2.218	1.267	
22.9	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 15 m trở lên là đường đất, cấp phối	4.840	2.421	1.424	
22.10	- Các đường đất, cấp phối có khổ rộng từ 5 m đến dưới 7 m	2.496	1.311	715	
22.11	- Các đường đất, cấp phối có khổ rộng từ 3 m đến dưới 5 m	2.288	1.146	712	
22.12	- Các đường đất còn lại dưới 3 m	2.048	1.025	586	
23	**Các đường còn lại trong các bản (phường Noong Bua cũ, phường Nam Thanh cũ)**				
23.1	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 15 m trở lên là đường nhựa, bê tông	4.827	2.409	1.466	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
23.2	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 11,5 m đến dưới 15 m là đường nhựa, bê tông	4.200	2.105	1.303	
23.3	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 7 m đến dưới 11,5 m là đường nhựa, bê tông	3.679	1.841	1.066	
23.4	- Các đường nhựa, bê tông có khổ rộng từ 5 m đến dưới 7 m	3.552	1.776	1.066	
23.5	- Các đường nhựa, bê tông có khổ rộng từ 3 m đến dưới 5 m	2.720	1.421	829	
23.6	- Các đường nhựa, bê tông còn lại dưới 3 m	2.131	1.066	592	
23.7	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 7 m đến dưới 11,5 m là đường đất, cấp phối	2.840	1.418	827	
23.8	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 11,5 m đến dưới 15 m là đường đất, cấp phối	3.108	1.552	887	
23.9	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 15 m trở lên là đường đất, cấp phối	3.388	1.695	997	
23.10	- Các đường đất, cấp phối có khổ rộng từ 5 m đến dưới 7 m	2.016	1.056	576	
23.11	- Các đường đất, cấp phối có khổ rộng từ 3 m đến dưới 5 m	1.536	768	480	
23.12	- Các đường đất còn lại dưới 3 m	1.344	672	384	
24	**Đường vành đai 3 (Asean):** Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Văn Nô đến hết địa phận **phường Mường Thanh**	1.440	720	480	
25	**Đường 7/5 (Đường 60m)**	16.317	13.054		
26	**Khu đô thị phía Bắc đường Hoàng Văn Thái - Khe Chít**				
26.1	Đường có khổ rộng 33m	13.406			
26.2	Đường có khổ rộng 17,5m	10.964			
26.3	Đường có khổ rộng 15,5m và Đường có khổ rộng 14,5m	10.313			
26.4	Đường có khổ rộng 13,5m	7.136			
26.5	Đường có khổ rộng 12m	7.377			
27	**Khu vực Trung tâm phường Mường Thanh**				
27.1	Đoạn từ Huyện đội Điện Biên đến hết đất của Công an huyện (đường nhựa)	1.276			
27.2	Đường nội bộ 29,5m	1.276			
27.3	Đường nội bộ 22,5m	1.126			
27.4	Đường nội bộ 13,5m	1.012			
27.5	Đường nội bộ 11,5m	836			
27.6	Đường nội bộ 10,5m	792			
27.7	Đường nội bộ 7,5m	704			
27.8	Đường nội bộ 5,5m	672			
28	**Khu vực Xã Thanh Xương cũ**				
28.1	**Đường Hữu Mai:** Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến tiếp giáp đường vào trung tâm phường Mường Thanh	8.400	4.440	3.108	
28.2	**Đường Phạm Văn Cường**: Tiếp giáp đường Hữu Mai (Đường vào trung tâm phường Mường Thanh) đến tiếp giáp ngã tư cạnh cây xăng của Công ty TNHH TM và XD Nam Linh Trang về phía đông đến hết thửa đất số 161 tờ bản đồ 361-a (trừ đoạn thuộc Khu đất 03 cơ quan (Trạm Bảo vệ thực vật huyện, Trạm thú y huyện, Cục Thuế tỉnh) .	7.040	4.224	2.816	
28.3	**QL 279:** Đoạn từ tiếp giáp cây xăng của Công ty TNHH TM và XD Nam Linh Trang, về phía đông giáp thửa đất số 191 tờ bản đồ số 361-a đến ranh giới giáp xã Thanh An cũ.	2.640	704	396	
28.4	**Đường vành đai 2 (Noong Bua - Pú Tửu):** Đoạn tiếp giáp phường Điện Biên Phủ đến ngã tư đường rẽ vào đội 2, đội 10.	3.080	1.628	836	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
28.5	**Đường vành đai 2 (Noong Bua - Pú Tửu):** Đoạn tiếp giáp từ ngã tư đường rẽ vào đội 2, đội 10 đến giáp trường tiểu học số 1 Thanh Xương.	2.672	1.336	802	
28.6	**Đường đi UBND phường Mường Thanh:** Đoạn từ tiếp giáp vị trí 3 QL 279 qua ngã ba Huổi Hốc đi đội 7 đến Kênh thủy nông; qua đội 11 đến Kênh thủy nông.	1.408	704	422	
28.7	Đường bê tông vào Trung tâm huyện (trừ vị trí 1,2,3 đường vành đai 2) đoạn từ nhà ông Lẻ đến giáp bờ mương	704	484	282	
28.8	Đường bê tông vào Trung tâm huyện đoạn từ hết đất nhà ông Yên đến giáp khu Trung tâm huyện lỵ mới	616	370	246	
28.9	Các đường liên thôn, nội thôn, ngõ Khu vực bản Ten, bản Pá Luống, Đội C17; bản Bom La; bản Noong Nhai và Đội 18 (trừ các vị trí 1, 2, 3 QL279)	572	308	246	
28.10	Đường phía Đông: Đoạn từ giáp xã Thanh An cũ đến hết ranh giới phường Điện Biên Phủ	880	563	396	
28.11	**Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ (xã Thanh Xương cũ)**				
28.11.1	Đường có chiều rộng từ 7 m trở lên	472	330	236	
28.11.2	Đường có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	410	274	205	
28.11.3	Đường có chiều rộng dưới 3 m	320	205	144	
28.11.4	Các vị trí còn lại trong xã	106	88	79	
28.11.5	Đoạn từ đường vành đai 2 đến Trung tâm huyện lỵ Pú Tửu (tuyến đường mở mới vào trung tâm huyện lỵ Pú Tửu, trừ vị trí 1, 2, 3 đường vành đai 2)	2.144	1.074	644	
29	**Khu dân cư mới Bom La**				
29.1	Đường nội bộ 25m (Các lô LK1+LK2+LK5)	5.744			
29.2	Đường nội bộ 25m (Các lô LK3+LK4)	4.978			
29.3	Đường nội bộ 20,5m (Các lô LK13+LK14)	4.622			
29.4	Đường nội bộ 15m (Lô LK1)	4.158			
29.5	Đường nội bộ 15m (Lô LK13)	3.272			
29.6	Đường nội bộ 15m (Lô BT11+BT12)	3.008			
29.7	Đường nội bộ 13m (Lô 3+LK15+LK16+LK17+LK18+LK19+LK21)	2.864			
29.8	Đường nội bộ 13m (Lô BT11+LK16)	2.784			
29.9	Đường nội bộ 11m (Các lô LK4+LK5+LK6+LK7+LK14+LK15)	2.675			

3. PHƯỜNG MƯỜNG LAY

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1	**Trục đường Tỉnh lộ 142.**				
1.1	Đoạn từ giáp thửa số 56 tờ bản đồ số 7 (Từ nút giao với ngõ 285 hết bản Na Ka) đến đầu cầu Tạo Sen.	581	493	348	
1.2	Đoạn từ đầu cầu Tạo Sen hết địa phận phường Mường Lay.	528	431	299	
1.3	Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ đầu cầu Nam Nậm Cản đến hết thửa đất số 56 tờ bản đồ số 7 (nút giao với ngõ 285 hết bản Na Ka)	704			
2	**Trục đường Quốc lộ 12.**				
2.1	Đoạn từ điểm giao địa phận phường Na Lay đến nam Cầu Huổi Hái.	581	370	308	
2.2	Đoạn từ nam cầu Huổi Hái đến nam Huổi Phán	519	431	286	
2.3	Đoạn từ nam cầu Huổi Phán đến hết địa phận phường Mường Lay	396	378	273	
3	**Đường giao thông nội bộ khu TĐC Bản Bắc 1, Bắc 2, Bản Ổ, Bản Na Ka.**				
3.1	Đường Khoàng Văn Tấm: Đoạn từ nút giao với Đường Lò Văn Hặc đến ngã ba giao nhau với Đường 12 Tháng 12 và Đường Lò Văn Hặc	581			
3.2	Đường Lò Văn Hặc: Đoạn từ nút giao với đường Quốc lộ 12 đến ngã ba giao nhau với Đường 12 Tháng 12 và Đường Khoàng Văn Tấm	581			
3.3	Đường N8A: Đoạn từ nút giao Đường Lò Văn Hặc về phía bắc đến nút giao với Đường Lò Văn Hặc (cạnh khe huổi Bắc).	506			
3.4	Đường NC14: Đoạn từ nút giao với Tỉnh Lộ 142 đến nút giao với đường NC12.	678			
3.5	Ngõ 285 đường Võ Nguyên Giáp	581			
4	**Các bản vùng cao: Bản Hô Huổi Luông, Bản Hô Nậm Cản, Bản Huổi Luân**	57			
5	**Các đường nội bản vùng thấp**				
	- Đường nhựa	352			
	- Các trục đường bê tông nội bản	309			
	- Các trục đường đất nội bản	176			
6	**Đường Lê Thái Tổ thuộc phường Sông Đà cũ**				
6.1	Đoạn từ cầu C3 (Tổ 3, phường Na Lay cũ) đến nút giao đất khách sạn Thanh Bình.	704			
6.2	Đoạn từ đất khách sạn Thanh Bình đến ngã tư giao nhau với đường ĐC 11, ngõ 7 đường Lê Thái Tổ (Hết thửa đất số 20 tờ bản đồ số 24 đối diện là cửa hàng xăng dầu Doanh nghiệp Phúc Lợi)	849			
6.3	Đoạn từ ngã tư giao nhau với đường ĐC 11, ngõ 7 đường Lê Thái Tổ (Hết thửa đất số 20 tờ bản đồ số 24 đối diện là cửa hàng xăng dầu Doanh nghiệp Phúc Lợi) đến nút giao đường Nguyễn Bá Lạc (Đường một chiều lên đài phun nước phường Sông Đà cũ)	1.109			
6.4	Đoạn từ nút giao đường Nguyễn Bá Lạc (Đường một chiều lên đài phun nước phường Sông Đà) đi về phía tây hết thửa đất số 07 tờ bản đồ số 19 (Đất ban chỉ huy quân sự thị xã)	1.074			
6.5	Đoạn từ nút giao thửa số 07 tờ bản đồ số 19 (Đất ban chỉ huy quân sự thị xã) đến hết nhà máy gạch Tuynel.	568			
6.6	Đoạn từ nhà máy gạch Tuynel đến ranh giới bản Huổi Min	396			
7	**Đường giao thông khu Tổ 7 - Tổ 10 thuộc phường Sông Đà cũ**				

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
7.1	Đường Nguyễn Bá Lạc (hai bên đường đoạn từ đường Lê Thái Tổ lên đến đài phun nước)	950			
7.2	Đường 17 Tháng 12 (đoạn từ nút giao với đường Lê Thái Tổ về phía tây lên đến đài phun nước).	849			
7.3	Đường 17 Tháng 12 (đoạn từ đài phun nước đến phía đông đường Lê Thái Tổ hết đất trạm viễn thông).	1.169			
7.4	Đường ĐC3 đoạn vòng cung Ngõ 281 đường Nguyễn Bá Lạc (từ đất trường tiểu học Đồi Cao đối diện đất BCH Quân sự thị xã) đến nút giao với Ngõ 7 đường Lê Thái Tổ (hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 21).	774			
7.5	Ngõ 167 đường Nguyễn Bá Lạc (từ đất chi cục Thống Kê chạy vòng cung hết Ngõ 12 Đường 17 tháng 12 (hết thửa đất Viễn thông thửa 78, tờ bản đồ 21).	1.022			
7.6	Ngõ 357 đường Nguyễn Bá Lạc (từ đất nhà ông Nguyễn Huy Thông thửa 209, tờ bản đồ 17) chạy vòng cung đến hết Ngõ 241 Đường 17 Tháng 12 (thửa đất số 48, tờ bản đồ 21).	975			
7.7	Đường Chiến Thắng từ nút giao với đường ĐC8 đến nút giao đường Lê Thái Tổ (hết thửa số 104 tờ bản đồ số 21 hộ ông Bùi Long Thành đối diện chợ Đồi Cao);	849			
7.8	Đường Chiến Thắng đoạn từ nút giao phía bắc quảng trường vòng cung đến nút giao ngõ 281 đường Nguyễn Bá Lạc	849			
7.9	Đường Chiến Thắng đoạn từ nút giao phía tây quảng trường vòng cung đến nút giao đường Nguyễn Bá Lạc (Đường một Chiều)	849			
7.10	Đường Chiến Thắng đoạn từ nút giao phía Nam quảng trường vòng cung đến nút giao đường Nguyễn Bá Lạc (Đường một chiều)	849			
7.11	Ngõ 7 đường Lê Thái Tổ đoạn từ nút giao với đường Chiến Thắng (Từ đất bà Phạm Thị Oanh thửa số 100, tờ bản đồ 21) đến nút giao đường Lê Thái Tổ (hết đất cây xăng Doanh nghiệp Phúc Lợi thửa số 07, tờ bản đồ 24).	766			
7.12	Đường ĐC11 đoạn từ nút giao Đường Lê Thái Tổ, đi theo hướng về phía bắc quanh Trung tâm dịch vụ cảng đường ven hồ, trở lại phía tây Đường Lê Thái Tổ, đối diện với Trạm xử lý nước thải;	849			
7.13	Đường ĐC18 đoạn từ phía tây Đường Lê Thái Tổ, giáp đất Ban chỉ huy quân sự thị xã, đi ngược về phía bắc nút giao đường ĐC7.	836			
7.14	Ngõ 72 Đường Lê Thái Tổ đoạn từ giáp Đường Lê Thái Tổ đến nút giao với Ngõ 281 đường Nguyễn Bá Lạc.	766			
7.15	Ngõ 31 đường Lê Thái Tổ đoạn từ giáp Đường Lê Thái Tổ đến nút giao với Ngõ 272 đường 17 Tháng 12.	766			
8	**Khu Tổ 11 thuộc phường Sông Đà cũ**				
8.1	Đường ĐC12: Đoạn từ ngã ba giáp đường ĐC16 (theo Đường Vừ A Dính) đến nút giao với đường Chiến Thắng, đối diện Trạm Y tế phường Sông Đà cũ (thửa số 8 tờ bản đồ số 20).	468			
8.2	Đường ĐC13: Đoạn từ Trạm Khí tượng (mới) đi ngược về phía nam qua đường Vừ A Dính đến nút giao với đường Đường Lê Thái Tổ.	468			
8.3	Đường ĐC14: Đoạn từ ngã ba giáp đường ĐC13 đi ngược về phía tây bắc qua Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-GDTX, trung tâm bồi dưỡng chính trị tới nút giao đường ĐC17	468			
8.4	Đường ĐC15: Đoạn từ nút giao đường ĐC21, (từ thửa số 23 từ bản đồ số 28) đến giao đường ĐC22 (hết thửa số 43 từ bản đồ số 31)	418			
8.5	Đường ĐC16: Đoạn từ nút giao đường ĐC14 ngược về phía nam qua đường ĐC12 đến giao nhau với đường ĐC22 (hết đất nhà ông Thiệu thửa số 8 tờ bản đồ số 32).	468			

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
8.6	Đường ĐC17: Đoạn từ nút giao từ đường ĐC14 đến ngã tư giao với đường ĐC12 và đường ĐC16 (đằng sau Trung tâm bồi dưỡng chính trị và trước cổng chính của Trung tâm GDNN-GDTX).	468			
8.7	Đường ĐC21: Đoạn từ nút giao đường ĐC22 đến nút giao đường ĐC12.	468			
8.8	Đường ĐC22: Đoạn từ nút giao đường ĐC21 đến hết đất phía sau thửa số 02 tờ bản đồ số 32 (hộ ông Điêu Văn Chiếng)	418			
9	**Trục đường Quốc lộ 12 thuộc phường Sông Đà cũ**				
1	Đoạn từ đầu cầu Hang Tôm đến đầu cầu Bản Xá	651			
10	**Bản Vùng Cao thuộc phường Sông Đà cũ**				
1	Bản Huổi Min	99			
11	**Khu Tổ 3 đến giáp bản Na Nát thuộc phường Na Lay cũ**				
11.1	**Đường Võ Nguyên Giáp**				
11.1.1	Đoạn từ phía nam cầu C3 (tổ 3 phường Na Lay cũ) đi về hướng nam đường một chiều tới nút giao với Ngõ 42 Đường Võ Nguyên Giáp, giáp nhà bà: Lù Thị Nguyên (thửa đất số 64 tờ bản đồ số 22).	1.214			
11.1.2	Đoạn từ đất nhà bà: Lù Thị Nguyên (thửa số 64 tờ bản đồ số 22), đi về phía nam tới hết đất nhà ông Điêu Văn Hận (thửa số 13 tờ bản đồ số 34 thuộc bản Chi Luông).	1.144			
12	**Đường giao thông nội bộ**				
12.1	Đường CL1: Đoạn từ nút giao đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao với đường Sùng Phái Sinh (Đối diện Trung tâm hội nghị)	862			
12.2	Đường Sùng Phái Sinh:				
12.2.1	Đường Sùng Phái Sinh: Đoạn từ nút giao Ngõ 42 đường Võ Nguyên Giáp (từ nhà ông Điêu Văn Khịn thửa số 62 tờ bản đồ 22) đi qua Ngõ 62 đường Võ Nguyên Giáp, đến nút giao với đường Võ Nguyên Giáp;	590			
12.2.2	Đường Sùng Phái Sinh: Đoạn từ nút giao Ngõ 42 đường Võ Nguyên Giáp (từ đất Bưu điện Chi Luông) đến nút giao với đường CL13A (hết đất giáp nhà khách UBND thị xã).	590			
12.2.3	Đường Sùng Phái Sinh: Đoạn từ đất nhà bà Trần Thị Hương (thửa số 89 tờ bản đồ 12 đối diện đất ông Lò Văn Óp thửa số 88 tờ bản đồ 12) đến nút giao với đường Võ Nguyên Giáp.	862			
12.3	Đoạn từ Ngõ 36 đường Võ Nguyên Giáp đến hết đất sân vận động thị xã	590			
12.4	Đường CL4: Từ nút giao với đường Tòng Văn Kim đến nút giao với đường Võ Nguyên Giáp trước khu vực quảng trường trung tâm.	801			
12.5	Đường CL4A: Đoạn đường giáp đất Bảo tàng và Quảng Trường	691			
12.6	Đoạn từ Ngõ 196 Đường Sùng Phái Sinh, qua đường Sùng Phái Sinh, đường Đường Võ Nguyên Giáp, Ngõ 77 đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao với đường Tòng Văn Kim.	609			
12.7	Ngõ 192 Đường Sùng Phái Sinh	554			
12.8	Ngõ 188 Đường Sùng Phái Sinh	554			
12.9	Ngõ 26D đường Võ Nguyên Giáp giao nút đường Sùng Phái Sinh đến đường một chiều đường Võ Nguyên Giáp	590			
12.10	Ngõ 178 đường Sùng Phái Sinh (từ nhà sinh hoạt cộng đồng Bản Nghé Toong) đến nút giao với đường Tòng Văn Kim (hết đất nhà ông Chu Văn Toàn thửa số 01 tờ bản đồ 26);	651			
13	**Đường Tòng Văn Kim**				
13.1	Đoạn từ Ngõ 51 Đường Võ Nguyên Giáp đi theo Ngách 67 Ngõ 51 Đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao với đường Tòng Văn Kim (hết đất nhà ông Điêu Chính Khon thửa số 8 tờ bản đồ 30 thuộc bản Chi Luông).	590			

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
13.2	Đường Tòng Văn Kim: Đoạn từ đất nhà ông Lò văn Duyên (thửa số 8 tờ bản đồ 30 bản Chi Luông) đến nút giao Ngõ 131 đường Võ Nguyên Giáp (hết đất nhà ông Chui Văn Kích thửa số 10 tờ bản đồ 34 bản Chi Luông).	634			
14	**Đường CL13**				
14.1	Đường Tòng Văn Kim nút giao ngách 67 ngõ 51 đường Võ Nguyên Giáp (ông Điêu Chính Khon thửa số 8 tờ bản đồ 30 thuộc bản Chi Luông) đế nút giao Ngõ 51 Đường Võ Nguyên Giáp	651			
14.2	Từ nút giao Ngõ 51 Đường Võ Nguyên Giáp đến đường Tòng Văn Kim nút giao ngõ 21 đường Tòng Văn Kim	581			
14.3	Đường CL13A giáp nhà khách UBND thị xã từ nút giao với Ngõ 42 đường Sùng Phái Sinh đến đường Sùng Phái Sinh	686			
14.4	Ngõ 42 Đường Sùng Phái Sinh: Đoạn từ nút giao với đường CL13A giáp nhà khách UBND thị xã đến nút giao với đường Sùng Phái Sinh (hết thửa số 2, tờ bản đồ số 8 hộ ông Lưu Đức Tuấn).	691			
14.5	Ngõ 101 Đường Sùng Phái Sinh: Từ nút giao đường CL13A vị trí đất nhà bà Vi Kim Hòa (thửa số 86 tờ bản đồ 12) đến nút giao đường Sùng Phái Sinh (hết đất thửa số 49 tờ bản đồ số 9)	691			
14.6	Đường CL15: Đoạn từ đất nhà bà Phạm Thị Nhung (thửa số 94 tờ bản đồ 12 đối diện bên kia đường là đất trụ sở Ban QLDA thị xã) đến nút giao Ngõ 1 Đường Võ Nguyên Giáp (hết đất thửa số 9 tờ bản đồ số 9 nhà bà Lương Thị Hương)	691			
14.7	Đoạn nút giao từ Ngõ 42 Đường Sùng Phái Sinh vào Ngõ 68 Đường Sùng Phái Sinh đến hết ngõ 77 Đường Sùng Phái Sinh.	691			
14.8	Ngõ 01 Đường Võ Nguyên Giáp: Đoạn nút giao từ Ngõ 101 Đường Sùng Phái Sinh đến nút giao đường Võ Nguyên Giáp	691			
14.9	Ngõ 01 đường Tòng Văn Kim: Đoạn từ nút giao với Ngõ 49 đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao với đường Tòng Văn Kim	590			
14.10	Ngõ 21 đường Tòng Văn Kim: Đoạn từ nút giao với Ngõ 49 đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao với đường Tòng Văn Kim	590			
14.11	Ngõ 49 đường Võ Nguyên Giáp: Đoạn từ nút giao với đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao với đường Tòng Văn Kim (Trạm xử lý nước thải).	590			
14.12	Ngách 28 Ngõ 26 Đường Võ Nguyên Giáp	590			
14.13	Đường Bê tông 3m: Đoạn từ nút giao với đường Tòng Văn Kim đến hết thửa số 5, tờ bản đồ số 34 hộ ông Chui Văn Chăm	554			
14.14	Đường bê tông 3m: Đoạn từ đất nhà ông Lò Văn Chương đến hết đất nhà bà Lò Thị Sơn (thửa số 59 tờ bản đồ 22)	554			
14.15	Đường bê tông 3m: Đoạn từ đất nhà bà Lò Thị Thâm (thửa số 76 tờ bản đồ 22) đến nút giao với đường CL9 (hết đất thửa số 7 tờ bản đồ 21)	554			
14.16	Ngõ 110 đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ nút giao đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao với đường mới 2;	554			
14.17	Ngõ 74: Đoạn từ nút giao đường đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao với đường Sùng Phái Sinh;	610			
15	**Khu bản Nậm Cản đến bản Na Nát thuộc phường Na Lay cũ**				
15.1	**Đường Võ Nguyên Giáp**				
15.1.1	Đoạn từ đất nhà ông Điêu Văn Hận bản Chi Luông (thửa số 13 tờ bản đồ 34) đến ngã 3 giao nhau giữa đường Võ Nguyên Giáp và đường Chu Văn An (thửa số 01 tờ bản đồ 46)	1.408			
15.1.2	Đoạn Võ Nguyên Giáp từ đất Nhà sinh hoạt cộng đồng tổ 4 (thửa số 68 tờ bản đồ 42) đến hết Bưu cục bưu điện Nậm Cản (thửa số 34 tờ bản đồ 47).	2.200			
15.2	Đoạn Võ Nguyên Giáp từ Bưu điện Nậm Cản (thửa số 34 tờ bản đồ 47) đến hết đất nhà bà Lò Thị Ăn (thửa số 176 tờ bản đồ 46).	1.584			

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
15.3	Đoạn Võ Nguyên Giáp nút giao từ đất nhà bà Lò Thị Ăn (thửa số 176 tờ bản đồ 46) đến đầu cầu Nậm Cản.	862			
16	**Đường giao thông nội bộ**				
16.1	Đường Chu Văn An: Đoạn từ ngã ba nút giao với đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao với đường NC3;	838			
16.2	Đường Chu Văn An: Đoạn từ đất nhà bà Lò Phương Thoa (thửa số 2 tờ bản đồ 46) đối diện đất Công an thị xã đến nút giao với Ngõ 270 đường Võ Nguyên Giáp hết đất nhà Xoan (Vĩnh) (thửa số 153 tờ bản đồ 46) đối diện hết đất trường THPT thị xã.	1.838			
16.3	Ngõ 198 đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ ngã ba nút giao với đường Chu Văn An đến nút giao với đường Võ Nguyên Giáp	713			
16.4	Ngách 63 Ngõ 197 Đường Võ Nguyên Giáp: Đoạn từ nút giao với Ngõ 198 đường Võ Nguyên Giáp giáp đất nhà ông Nguyễn Xuân Phương (thửa số 22 tờ bản đồ 46) đến nút giao với Ngõ 270 Đường Võ Nguyên Giáp giáp đất nhà bà Lò Thị Tuyết (thửa số 152 tờ bản đồ 46)	713			
16.5	Ngõ 196 Đường Võ Nguyên Giáp: Đoạn từ nút giao đường Chu Văn An đến nút giao đường Võ Nguyên Giáp (hết đất Bưu Điện Nậm Cản).	713			
16.6	Ngách 02 Ngõ 195 Đường Võ Nguyên Giáp: Đoạn từ nút giao với Ngõ 195 Đường Võ Nguyên Giáp (từ đất nhà bà Trần Thị Nhị thửa số 56 tờ bản đồ 47) nút giao với Ngõ 257 Đường Võ Nguyên Giáp (hết đất nhà Văn hóa phường Na Lay cũ).	1.558			
16.7	Ngõ 270 Đường Võ Nguyên Giáp: Đoạn từ nút giao nhau với đường Chu Văn An đến nút giao với đường Võ Nguyên Giáp	713			
16.8	ngõ 257 đường võ nguyên giáp: Từ nút giao với đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao với đường Phan Đình Giót.	713			
16.9	Ngõ 225 Đường Võ Nguyên Giáp: Đoạn từ nút giao với đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao với đường Phan Đình Giót	713			
16.10	Ngõ 195 Đường Võ Nguyên Giáp từ nút giao với đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao với đường Phan Đình Giót	713			
16.11	Đường NC13: Đoạn từ nút giao với đường Võ Nguyên Giáp đến ngã tư giao nhau với đường Chu Văn An, Ngõ 270 Đường Võ Nguyên Giáp;	493			
16.12	Ngõ 282 Đường Võ Nguyên Giáp: Đoạn từ nút giao với gõ 270 Đường Võ Nguyên Giáp (từ đất UBND phường Na Lay cũ) đến hết đất nhà ông Lường Văn Phương (thửa số 48 tờ bản đồ 49).	493			
16.13	Đường Phan Đình Giót: Đoạn từ đất nhà ông Lò Văn Von (thửa số 56 tờ bản đồ 49) đến hết đất nhà ông Lù Văn Phìn (thửa số 4 tờ bản đồ 44);	554			
16.14	Đường NC17: Đoạn từ nút giao với đường Tỉnh lộ 142 vào suối Nậm Cản (đối diện đường NC16);	554			
16.15	Đường Chu Văn An: Đoạn từ nút giao với Ngõ 270 Đường Võ Nguyên Giáp đến hết đất Nhà máy nước.	528			
16.16	Ngõ 275 Đường Võ Nguyên Giáp: Đoạn từ nút giao với ngõ 257 đường võ nguyên giáp (từ đất nhà bà Tòng Thị Bạn thửa số 91 tờ bản đồ 50) đến nút giao với đường Võ Nguyên Giáp.	493			
16.17	Ngõ 234 Đường Võ Nguyên Giáp: Đoạn từ nút giao với đường Chu Văn An đến nút giao với đường Võ Nguyên Giáp	713			
16.18	Đường Phan Đình Giót đoạn từ nút giao với đường Võ Nguyên Giáp (đầu chợ Nậm Cản) đến nút giao với đường Võ Nguyên Giáp (đầu cầu Nậm Cản).	678			
17	**Đường giao thông nội bộ điểm TĐC Na Nát thuộc phường Na Lay cũ**				
17.1	**Đường Tòng Văn Kim**				

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
17.1.1	Đường Tòng Văn Kim: Đoạn từ nút giao đường Võ Nguyên Giáp (thửa số 64 TBĐ 42) đến giao với Ngõ 152 Đường Võ Nguyên Giáp hết thửa số 29 TBĐ số 42)	713			
17.1.2	Đường Tòng Văn Kim: Đoạn từ giao với Ngõ 152 Đường Võ Nguyên Giáp (từ thửa số 18 TBĐ số 42) đến nút giao đường CL1	642			
17.2	Ngõ 249 Đường Võ Nguyên Giáp	590			
17.3	Ngách 248 Ngõ 141 Đường Võ Nguyên Giáp: Đoạn từ nút giao với Ngõ 152 Đường Võ Nguyên Giáp (từ thửa số 25 tờ bản đồ 42) đến nút giao với Ngõ 141 Đường Võ Nguyên Giáp (hết thửa số 23 tờ bản đồ 33)	590			
17.4	Ngõ 160 Đường Võ Nguyên Giáp	590			
17.5	Ngõ 152 Đường Võ Nguyên Giáp	590			
17.6	Ngõ 138 Đường Võ Nguyên Giáp	590			
17.7	Ngõ 141 Đường Võ Nguyên Giáp	590			
17.8	Ngõ 131 Đường Võ Nguyên Giáp	590			
18	**Khu vực bản Hốc đến Trung tâm y tế Mường Lay**				
18.1	**Đường Tô Vĩnh Diện**				
18.1.1	Đường Tô Vĩnh Diện (Đoạn từ Cầu Bản Xá đến giáp đất Bến xe thị xã)	862			
18.1.2	Đường Tô Vĩnh Diện (Đoạn từ đất Bến xe thị xã đến hết địa phận phường Na Lay cũ)	1.320			
19	**Đường giao thông đoạn Tổ 4 - Tổ 6**				
19.1	Đường 12 Tháng 12				
19.2	Đường 12 Tháng 12: Đoạn từ ngã tư nút giao với đường CK11 đến nút giao với Ngõ 104 Đường 12 Tháng 12 (hết đất nhà Tâm Xứng thửa số 155 tờ bản đồ 39)	2.624			
19.3	Đường 12 Tháng 12: Đoạn từ ngã tư nút giao với CK11 đến nút giao với Ngõ 164 Đường 12 Tháng 12 (hết đất nhà bà Nguyễn Thị Năm thửa số 34 tờ bản đồ 51)	1.320			
19.4	Đường 12 Tháng 12: Đoạn từ nút giao với Ngõ 104 Đường 12 Tháng 12 (từ thửa số 139 tờ bản đồ 39) đến nút giao với đường Ngõ 40 Đường 12 Tháng 12 (hết đất Trường tiểu học Võ Thị Sáu)	1.584			
19.5	Đoạn từ nút giao Ngõ 164 Đường 12 Tháng 12 đến hết địa giới phường Na Lay (điểm đấu nối với đường Lò Văn Hặc và đường Khoàng Văn Tấm xã Lay Nưa)	924			
20	Ngõ 334 Đường Bế Văn Đàn	1.314			
21	Đường Bế Văn Đàn				
21.1	Đường Bế Văn Đàn: Đoạn từ đất nhà bà Lê Thị Oanh (thửa số 68 tờ bản đồ 43) đến nút giao với Ngõ 104 Đường 12 Tháng 12 (hết đất nhà bà Nguyễn Thị Thuy thửa số 168 tờ bản đồ 39)	1.074			
21.2	Đoạn từ nút giao với Ngõ 104 Đường 12 Tháng 12 (từ đất nhà Điêu Thị Nơn thửa số 152 tờ bản đồ 39) đến nút giao với Ngõ 40 Đường 12 Tháng 12 (hết đất nhà ông Giàng A Nhà thửa số 5 tờ bản đồ 35 đối diện là Trường tiểu học Võ Thị Sáu)	1.297			
22	Ngách 336 Ngõ 136 Đường 12 Tháng 12	924			
23	Đường CK5: Đoạn từ nút giao với đường CK11 đến nút giao với Đường 12 Tháng 12;	924			
24	Ngõ 51 Đường 12 Tháng 12 Và Ngõ 66 Đường 12 Tháng 12 Đoạn từ nút giao Ngõ 41 Đường 12 Tháng 12 đến nút giao với đường Bế Văn Đàn;	924			
25	Ngõ 27 Đường 12 Tháng 12 Và Ngõ 68 Đường 12 Tháng 12: Đoạn từ nút giao Ngõ 41 Đường 12 Tháng 12 đến nút giao với đường Bế Văn Đàn.	924			
26	Ngõ 104 Đường 12 Tháng 12	924			
27	Ngõ 136 Đường 12 Tháng 12	986			
28	Ngõ 164 Đường 12 Tháng 12	986			

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
29	Đường CK11: Đoạn từ đầu cầu cơ khí đến giao nhau với QL12;	1.848			
30	Ngõ 40 Đường 12 Tháng 12	924			
31	Ngõ 41 Đường 12 Tháng 12	924			
32	Ngõ 166 Đường 12 Tháng 12	986			
33	**Đường giao thông bản Hốc**				
33.1	Đường 12 Tháng 12: Đoạn từ ngã tư nút giao với Ngõ 41 Đường 12 Tháng 12 Và Ngõ 40 Đường 12 Tháng 12 (từ đất nhà ông Lâm Văn Cơi thửa số 60 tờ bản đồ 31) đến nút giao đường QL12 (hết đất Nhà khách Trúc An)	880			
33.2	Ngõ 179 Đường Bế Văn Đàn Và Ngõ 01 Đường 12 Tháng 12: Đoạn từ nút giao với Ngõ 36 Đường 12 Tháng 12 (từ Trạm xử lý nước thải Cơ Khí) nút giao với Đường 12 Tháng 12	616			
33.3	Đường Bế Văn Đàn: Đoạn từ nút giao với Ngõ 40 Đường 12 Tháng 12 (từ đất nhà ông Sùng A Tủa thửa số 4 tờ bản đồ 35) đến hết đất ông Giàng Văn Hinh thửa số 4 tờ bản đồ 28	855			
33.4	Ngách 230 Ngõ 40 Đường 12 Tháng 12	616			
33.5	Ngõ 36 Đường 12 Tháng 12: Đoạn từ nút giao với Đường 12 Tháng 12 đến nút giao với Đường Bế Văn Đàn;	616			
33.6	Ngõ 27 Đường 12 Tháng 12	616			
33.7	Đường Bế Văn Đàn: Đoạn từ nút giao với Đường 12 Tháng 12 đến Hết đất ông Khoàng Văn Lập thửa 6 tờ 28.	616			
34	**Trục đường quốc lộ 6 thuộc phường Na Lay cũ**				
35	Đoạn từ ngã ba Đường Quốc Lộ 12 đến km 467 Quốc lộ 6	345	283	229	
36	Đường QL 6 đoạn từ km 467 đến hết địa phận phường Mường Lay	158	88	66	
37	Đường đi UBND xã từ ranh giới bản Phi 2 đến hết ranh giới bản Dế Da;	101	70	53	
38	Các trục đường liên thôn, liên bản	75	62	53	